

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 928/QĐ-TTg ngày 25/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi là Quyết định số 928/QĐ-TTg), UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi là Chiến lược), bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn trên địa bàn tỉnh, phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh và tranh thủ tối đa các nguồn lực xã hội trong và ngoài nước trong tổ chức thực hiện Chiến lược trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Chiến lược đề ra.

- Bảo đảm mọi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản một cách bình đẳng, toàn diện, an toàn, thuận tiện với chi phí hợp lý, nhất là nhóm đối tượng ưu tiên, các cá nhân chưa được tiếp cận hoặc ít được tiếp cận với các sản phẩm, dịch vụ tài chính ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, xã đảo.

- Thúc đẩy tài chính toàn diện có sự tham gia và phối hợp chặt chẽ của khu vực nhà nước và khu vực tư nhân trên địa bàn tỉnh; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh, bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân, trong quá trình cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, nhất là những sản phẩm, dịch vụ tài chính số.

2. Yêu cầu

- Thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn bảo đảm hiệu quả, trọng tâm, bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương; phân công rõ trách nhiệm cho từng Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các tổ chức, đơn vị có liên quan theo nguyên tắc “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”.

- Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, đoàn thể, đơn vị trên địa bàn chủ động thực hiện các nhiệm vụ được phân công, bảo đảm tiến độ, kết quả, mục tiêu đề ra tại Kế hoạch; phối hợp đẩy mạnh công tác truyền thông về Kế hoạch; gắn kết chặt chẽ với việc triển khai nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương; góp phần hình thành và phát triển hệ sinh thái tài chính toàn diện trên địa bàn tỉnh hiện đại, an toàn và bao trùm.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC TIÊU

1. Đối tượng

Tất cả mọi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; trong đó, nhóm đối tượng ưu tiên bao gồm:

- a) Người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, xã đảo;
- b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ gia đình có thu nhập thấp; cá nhân thuộc hộ nghèo, cá nhân thuộc hộ cận nghèo, cá nhân thuộc hộ có mức sống trung bình, cá nhân có thu nhập thấp;
- c) Học sinh, sinh viên;
- d) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; trong đó, chú trọng doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh có chủ là thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, xã đảo;
- đ) Các đối tượng yếu thế khác.

2. Mục tiêu tổng quát

Hình thành hệ sinh thái tài chính trên địa bàn tỉnh toàn diện, hiện đại, an toàn và bao trùm, góp phần nâng cao đời sống của người dân. Phấn đấu mọi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là nhóm đối tượng ưu tiên được tiếp cận một cách bình đẳng, toàn diện các sản phẩm, dịch vụ tài chính, góp phần bảo đảm tiến bộ, công bằng, an sinh xã hội, không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

3. Chỉ tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Gia Lai đạt được một số chỉ tiêu cụ thể sau:

- Tổng nguồn vốn huy động tăng trưởng bình quân 17,0%/năm; Tổng dư nợ tín dụng tăng trưởng bình quân 10,8%/năm.
- Ít nhất 4.150 lượt doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh có dư nợ tại các tổ chức tín dụng.
- Dư nợ tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn đối với nền kinh tế đạt 40%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Tạo môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu tài chính toàn diện trên cơ sở hoàn thiện khuôn khổ pháp lý

- a) Phối hợp xây dựng, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy

định pháp luật về cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, nhất là những sản phẩm, dịch vụ tài chính số để tạo hành lang pháp lý đầy đủ, kịp thời cho các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính.

b) Phối hợp nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách tạo thuận lợi cho ứng dụng công nghệ số trong hoạt động ngân hàng, từng bước tạo lập nền tảng pháp lý cho việc hình thành, phát triển mô hình ngân hàng số.

c) Phối hợp nghiên cứu, đề xuất ban hành quy định về tiếp cận, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cho phép các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật, trên cơ sở bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phục vụ cho việc nhận biết, xác thực khách hàng bằng phương thức điện tử trực tuyến trong các hoạt động cấp tín dụng.

d) Phối hợp xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội theo hướng mở rộng phạm vi, đối tượng, nâng mức cho vay, thời hạn cho vay phù hợp với mục tiêu của các chương trình mục tiêu quốc gia.

đ) Phối hợp đề xuất các chính sách ưu đãi, hỗ trợ các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh phát triển sản phẩm, dịch vụ tài chính, mở rộng kênh phân phối ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, xã đảo.

1.2. Phát triển đa dạng các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, kênh phân phối hiện đại nhằm hỗ trợ cho các đối tượng của Kế hoạch được tiếp cận, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách thuận tiện với chi phí hợp lý

a) Phát triển đa dạng các kênh phân phối hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số, chi phí hợp lý:

- Đẩy mạnh phát triển và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính số, ngân hàng số, đặc biệt là qua thiết bị di động cho người dân và doanh nghiệp ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, xã đảo trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức công nghệ tài chính, tổ chức viễn thông tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, trên cơ sở hợp tác, cạnh tranh lành mạnh với các tổ chức tín dụng.

b) Mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng sản phẩm, dịch vụ của các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, xã đảo, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ở khu vực này tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tài chính.

1.3. Phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại, để sử dụng hướng đến các đối tượng của Kế hoạch

a) Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, tạo điều kiện cho các đối tượng của Kế hoạch được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt:

- Đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản chi ngân sách nhà nước và có nguồn gốc ngân sách nhà nước cho người hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt của người dân và doanh nghiệp đối với thu, nộp thuế, phí, lệ phí, thu phạt hành chính, thanh toán học phí, viện phí, hóa đơn định kỳ.

- Đẩy mạnh thu thuế điện tử, hoàn thiện các quy định về thuế đối với các hoạt động kinh doanh mới, đặc biệt là kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử, kinh tế chia sẻ và các hoạt động mô hình kinh doanh mới khác.

- Đẩy mạnh số hóa việc chi trả các hoạt động trợ cấp, an sinh xã hội.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trả lương cho người lao động và thanh toán hàng hóa, dịch vụ qua tài khoản.

- Khuyến khích các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán áp dụng các chính sách ưu đãi, miễn, giảm phí liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng, ví điện tử hợp lý để thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, trong đó ưu tiên áp dụng cho người có công với cách mạng.

b) Phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn:

- Khuyến khích các tổ chức tín dụng phát triển đa dạng các sản phẩm tín dụng ngân hàng phù hợp với nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng chính đáng của khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực nông thôn.

- Khuyến khích các công ty bảo hiểm phát triển các sản phẩm bảo hiểm trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, hỗ trợ quá trình tái cơ cấu, chuyển đổi xanh trong ngành nông nghiệp.

c) Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hợp tác xã, hộ kinh doanh:

- Khuyến khích các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính khác đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phù hợp với từng loại hình, nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh, chú trọng đến doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh có chủ là thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, xã đảo.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế tín dụng, bảo lãnh tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ bảo lãnh tín dụng, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất cho vay và bảo lãnh tín dụng; tập trung tín dụng vào các động lực tăng trưởng mới (chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...); đẩy mạnh hình thức cho vay thế chấp dựa trên tài sản hình thành trong tương lai phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đa dạng hóa, khơi thông nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Nghiên cứu, phát triển các mô hình cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính số kết hợp giữa tổ chức tín dụng cho nhóm đối tượng ưu tiên; phát triển các mô hình

kinh doanh bao trùm, tạo tác động xã hội:

- Khuyến khích hợp tác giữa các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính khác và tổ chức công nghệ tài chính trong phát triển và cung ứng đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, xã đảo và các đối tượng ưu tiên khác trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ các tổ chức tài chính vi mô, chương trình, dự án tài chính vi mô trong việc tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi; tạo điều kiện và khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ tham gia và hỗ trợ hoạt động tài chính vi mô phát triển.

1.4. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng dịch vụ tài chính số thúc đẩy tài chính toàn diện

a) Hoàn thiện hạ tầng thanh toán điện tử, tạo nền tảng phát triển hệ sinh thái ngân hàng số và kinh tế số, thúc đẩy giao dịch điện tử trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, xã đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai; kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

c) Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng mạng dây và di động trên toàn tỉnh, đảm bảo đường truyền Internet tốc độ cao.

1.5. Triển khai Chương trình giáo dục tài chính quốc gia và Chương trình công dân số toàn tỉnh; đẩy mạnh bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính

a) Triển khai Chương trình giáo dục tài chính quốc gia trên địa bàn tỉnh, phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng vùng miền; lồng ghép giáo dục tài chính trong nhà trường, đào tạo nghề và các chương trình an sinh xã hội; tăng cường giáo dục tài chính số, đảm bảo người dân có thể sử dụng an toàn, hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ tài chính số:

- Đẩy mạnh giáo dục tài chính qua hệ thống giáo dục chính thức và các chương trình truyền thông, nhất là các kiến thức về dịch vụ tài chính số, an toàn thông tin, an ninh, bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân, góp phần tạo dựng niềm tin người tiêu dùng dịch vụ tài chính; hình thành thói quen quản lý tài chính cá nhân từ sớm cho nhóm đối tượng học sinh, sinh viên, người lao động trẻ để hình thành tư duy tài chính bền vững.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các cấp về kiến thức và kỹ năng giáo dục tài chính.

- Nâng cao kỹ năng tài chính cho người sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hiểu biết và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ có tính chất quản trị rủi ro; nâng cao năng lực kế toán, quản lý tài chính của các hợp tác xã, hộ kinh doanh.

b) Triển khai Chương trình Công dân số trên phạm vi toàn tỉnh

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình Công dân số (sau

khi Trung ương ban hành), phân đầu mỗi người dân trên địa bàn có tài khoản sổ, góp phần hình thành công dân sổ.

- Xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ việc trang bị thiết bị công nghệ cho các đối tượng ưu tiên của Kế hoạch để sử dụng sản phẩm, dịch vụ tài chính.

c) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính:

- Thực hiện cơ chế bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính đồng bộ, hiệu quả, có tính đến đặc thù dịch vụ, tài chính số và nhóm đối tượng yếu thế.

- Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ đối với người tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ tài chính.

1.6. Thúc đẩy tài chính bền vững, tài chính khí hậu và tài chính toàn diện

a) Khuyến khích các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính ưu tiên nguồn vốn cho vay người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị; phát triển đa dạng các sản phẩm tài chính xanh, tín dụng xanh để tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi xanh.

b) Khuyến khích các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính khác mở rộng các sản phẩm tín dụng vi mô.

c) Khuyến khích các công ty bảo hiểm trên địa bàn tỉnh phát triển các sản phẩm bảo hiểm, bảo hiểm hưu trí bổ sung.

d) Thúc đẩy phát triển và ứng dụng các mô hình công nghệ tài chính để mở rộng khả năng tiếp cận sản phẩm, dịch vụ tài chính cho nhóm đối tượng ưu tiên của Kế hoạch.

1.7. Tăng cường bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

a) Triển khai các phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

b) Thực hiện giám sát an ninh mạng tập trung trên nền tảng do Trung ương xây dựng với sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các sự cố an ninh mạng.

c) Thực hiện an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính số, đảm bảo mức độ bảo mật cao nhất và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dịch vụ tài chính.

1.8. Các giải pháp hỗ trợ khác

a) Đẩy mạnh triển khai các chương trình, chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo chỉ đạo của Trung ương.

b) Tăng cường sự tham gia của các Sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh, tạo thuận lợi cung ứng tín dụng ưu đãi của Nhà nước cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách nhằm nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội của tỉnh.

c) Ưu tiên bố trí nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện Kế hoạch.

d) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò và ý nghĩa của tài chính toàn diện đến các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Sở Tài chính

- Đầu mối, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các xã, phường trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng năm, hoặc đột xuất theo yêu cầu, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 11 tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Phối hợp lồng ghép các mục tiêu tài chính toàn diện trong quá trình xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm.

2.2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 11

- Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, phối hợp với Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công, theo dõi để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Tổ chức sơ kết giữa kỳ, tổng kết đánh giá kết quả việc triển khai thực hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết).

2.3. Công an tỉnh

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dữ liệu căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng, nhận biết và xác thực khách hàng bằng phương thức điện tử theo chỉ đạo của Bộ Công an và quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình khai thác, sử dụng dữ liệu.

- Tiếp tục cập nhật, làm sạch dữ liệu dân cư; phối hợp triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định, phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng và phát triển tài chính trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện giám sát an ninh mạng tập trung trên nền tảng do Trung ương xây dựng với sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các sự cố an ninh mạng.

2.4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 11 và các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, chương trình giáo dục tài chính toàn diện, chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt trong ngành Giáo dục; lồng ghép giáo dục tài chính, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân vào các hoạt động giáo dục phù hợp với từng cấp học và điều kiện thực tiễn.

- Chủ trì triển khai thực hiện Chương trình giáo dục tài chính quốc gia trên địa bàn tỉnh (sau khi Trung ương ban hành).

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các cấp về kiến thức và kỹ

năng giáo dục tài chính.

2.5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hoàn thiện hạ tầng thanh toán điện tử, tạo nền tảng phát triển hệ sinh thái ngân hàng số và kinh tế số, thúc đẩy giao dịch điện tử trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Chủ trì triển khai thực hiện Chương trình Công dân số trên địa bàn tỉnh (sau khi Trung ương ban hành).

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng mạng dây và di động trên toàn tỉnh, đảm bảo đường truyền Internet tốc độ cao.

2.6. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 11, địa phương tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch, tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; lồng ghép tuyên truyền trong các chương trình, hội nghị, tập huấn.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này trong quá trình triển khai thực hiện Hợp phần thứ hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

2.7. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 11 và các cơ quan liên quan tăng cường tham gia các chương trình, diễn đàn quốc tế về tài chính toàn diện, đẩy mạnh hợp tác về tài chính với các quốc gia và các tổ chức phát triển quốc tế trong việc thúc đẩy tài chính toàn diện trên địa bàn tỉnh.

2.8. Sở Công Thương

Chủ trì triển khai thực hiện, thiết lập các cơ chế bảo vệ người tiêu dùng tài chính đồng bộ, hiệu quả, có tính đến đặc thù tài chính số và nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trên địa bàn tỉnh.

2.9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện công tác tuyên truyền về vai trò và ý nghĩa của tài chính toàn diện đến các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.10. Thuế tỉnh

- Phối hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 11, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trả lương cho người lao động và thanh toán hàng hóa, dịch vụ qua tài khoản.

- Phối hợp UBND các xã, phường, các cơ quan liên quan nâng cao năng lực kế toán, quản lý tài chính của các hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Đẩy mạnh thu thuế điện tử, hoàn thiện các quy định về thuế đối với các hoạt động kinh doanh mới, đặc biệt là kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử, kinh tế chia sẻ và các hoạt động mô hình kinh doanh mới khác.

2.11. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Đẩy mạnh thực hiện chi trả qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đối với lương hưu, trợ cấp bảo hiểm và các khoản chi trả khác cho các đối tượng phục vụ của Bảo hiểm xã hội.

2.12. UBND các xã, phường

- Phối hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 11, các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch hiệu quả, đảm bảo mục tiêu phát triển tài chính toàn diện hiện đại, an toàn và bao trùm, góp phần nâng cao đời sống của người dân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tại địa phương.

- Đẩy mạnh, nâng cao năng lực kế toán, quản lý tài chính của các hộ kinh doanh, nâng cao kỹ năng tài chính cho người sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Lòng ghép kiến thức quản lý tài chính vào các buổi sinh hoạt chuyên đề của Hội Nông dân, Hội Phụ nữ cấp xã và các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại địa phương.

- Chủ trì phối hợp với các tổ chức tín dụng triển khai cài đặt ứng dụng, mở tài khoản an sinh xã hội và số hóa việc chi trả các hoạt động trợ cấp, an sinh xã hội đến người dân tại địa bàn cơ sở.

2.13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc chủ động phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trong triển khai thực hiện Kế hoạch này; phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò và ý nghĩa của tài chính toàn diện; vận động các đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia các chương trình phổ biến kiến thức, kỹ năng về tài chính, Chương trình Công dân số.

- Tạo điều kiện và khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc tham gia và hỗ trợ hoạt động tài chính vi mô phát triển.

- Chỉ đạo Hội Nông dân tỉnh tiếp tục quản lý và vận hành hiệu quả Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh nhằm bảo đảm nguồn vốn vay ưu đãi hỗ trợ các hội viên mở rộng sản xuất, nhân rộng mô hình kinh tế hiệu quả, góp phần xây dựng nông thôn mới, hạn chế tín dụng đen.

2.14. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tài chính, kế toán, năng lực xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi cho các hợp tác xã và tổ hợp tác, tạo cơ sở để các hợp tác xã đủ điều kiện tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức.

- Tuyên truyền, vận động các hợp tác xã thành viên tích cực ứng dụng công nghệ số, mở tài khoản giao dịch và đẩy mạnh các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch mua bán, liên kết và tiêu thụ sản phẩm.

- Quản lý và vận hành hiệu quả Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh nhằm bảo đảm nguồn vốn vay ưu đãi hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tập thể.

2.15. Các tổ chức tín dụng, các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính khác, các hội, hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp bảo hiểm trên địa bàn tỉnh

Chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch, đề xuất các kiến nghị (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện cho cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực trên địa bàn để xem xét, xử lý theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch sử dụng từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tài trợ quốc tế, nguồn vốn huy động hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước, lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai Kế hoạch thực hiện theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm (kèm theo Phụ lục Bảng phân công nhiệm vụ).

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 11 theo dõi việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá kết quả thực hiện, tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu; kịp thời đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền.

3. Chế độ báo cáo: Định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi văn bản về Sở Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 11 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, T6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh